

Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG THAILAND

Người liên hệ: Nguyễn Nam
Tel: 04.35742022 ext 247
Email: namn@vcci.com.vn

3.2018

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG THÁI LAN

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	3
1. Các thông tin cơ bản	3
2. Lịch sử	4
3. Du lịch:.....	4
II. TÌNH HÌNH KINH TẾ	5
1. Tổng quan:	5
2. Các chỉ số kinh tế:.....	6
III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM :	8
1. Hai bên đã ký kết	8
2. Hợp tác thương mại	8
3. Tình hình đầu tư:.....	9
4. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới:	11
5. Tập quán Kinh doanh:.....	12
IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM	13
1. Quan hệ Ngoại giao:	13
2. Quan hệ Chính trị:.....	14
V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI	15
1. Thoả thuận hợp tác đã kí kết.....	15
VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH	15

I. GIỚI THIỆU CHUNG



1. Các thông tin cơ bản

Tên đầy đủ:	Vương quốc Thái Lan (Thailand)
Thể chế chính trị:	Quân chủ lập hiến
Thủ đô :	Băng Cốc
Đứng đầu nhà nước:	Quốc vương WACHIRALONGKON Bodinthepphayawarangkun (từ 1/12/2016). Quốc vương Phumiphon Adunyadet (từ năm 1946) đã qua đời ngày 13/10/2016
Đứng đầu chính phủ:	Thủ tướng Gen. PRAYUT Chan-ocha (tháng 8 năm 2014)
Thành viên của các tổ chức quốc tế:	ADB, APEC, ARF, ASEAN, BIMSTEC, BIS, CICA, CP, EAS, FAO, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICC, ICRM, IDA, IFAD, IFC, IFRCS, IHO, ILO, IMF, IMO, IMSO, Interpol, IOC, IOM, IPU, ISO, ITSO, ITU, ITUC, MIGA, NAM, OAS (observer), OIC (observer), OIF (observer), OPCW, OSCE (partner), PCA, PIF (partner), UN, UNAMID, UNCTAD, UNESCO, UNHCR, UNIDO, UNMIS, UNWTO, UPU, WCO, WFTU, WHO, WIPO, WMO, WTO
Diện tích:	513.115 km ² (lớn thứ 49 thế giới), gồm 76 tỉnh.
Khí hậu:	nhật đới
Tài nguyên:	thiếc, cao su, khí đốt, kim loại vônfram, gỗ, than, đánh bắt thủy hải sản, khoáng chất
Dân số:	68 triệu, đứng thứ 21 thế giới.
Tuổi trung bình:	36.2 tuổi
Dân tộc:	Thái (95%), Miến Điện (2%) và các dân tộc khác
Tôn giáo:	Phật giáo (93.6%), Đạo hồi(4.9%), Thiên chúa (1.2%) và các đạo khác

Ngôn ngữ :	Tiếng Thái, Tiếng Anh (Ngôn ngữ thứ 2), tiếng dân tộc và địa phương v...v
Tỷ giá:	baht/USD – 34.34 (2017); 35.4 (2016); 34.1 (2015); 32.24 (2014); 30.72 (2013); 31.41 (2012); 30.492 (2011); 31.686 (2010)

2. Lịch sử

Theo sử sách Thái Lan, người Thái xuất xứ từ vùng núi An-Tai, Đông Bắc tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc từ 4500 năm trước, sau đó di cư dần xuống vùng đất hiện nay là Thái Lan. Vào năm 1238, người Thái thành lập Vương quốc tại Sukhothai (hiện ở miền Bắc Thái Lan) gọi là Vương quốc Phật giáo Sukhothai, năm 1283 người Thái có chữ viết. Sau đó người Thái mở rộng lãnh thổ xuống phía Nam, và năm 1350 chuyển kinh đô xuống Ayuthaya (phía Bắc Băng-cốc 70 km) gọi là Vương quốc Ayuthaya. Hơn 400 năm người Thái tiến hành chiến tranh liên miên với Miến Điện và kinh đô Ayuthaya bị huỷ diệt. Năm 1767, một tướng người Thái gốc Hoa, Taksin, đứng lên chống quân Miến Điện giành lại độc lập và rời đô về Thonburi, bên bờ sông Chao Phaya, đối diện với Bangkok. Vua Rama I (1782) lên ngôi và lấy Băng-cốc (Thành phố của các thiên thần) làm Thủ đô. Thời đại này gọi là Rattanakosin.

Trước năm 1932, Thái Lan theo chế độ Quân chủ chuyên chế. Sau cuộc cách mạng tư sản năm 1932 do một nhóm sĩ quan trẻ lãnh đạo, Thái Lan chuyển từ chế độ quân chủ chuyên chế sang chế độ Quân chủ lập hiến. Ngày 10/12/1932 Vua Prachadhipok (Rama VII) đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của Thái Lan. Trong suốt Chiến tranh Thế giới thứ 2, Thái Lan là một đồng minh của Nhật nhưng cùng lúc vẫn tồn tại một phong trào chống Nhật gọi là Seri Thai. Sau chiến tranh, Thái Lan trở thành đồng minh của Mỹ.

Hơn 70 năm qua Thái Lan đã thay đổi 17 hiến pháp, nhưng Hiến pháp 1932 vẫn được coi là cơ sở. Hiến pháp gần đây (thứ 18) được thông qua với cuộc trưng cầu dân ý ngày 19/8/2007, cùng với tổng tuyển cử ngày 23/12/2007, chính phủ dân sự mới của Thái Lan đã được thành lập vào ngày 06/02/2008.

3. Du lịch:

Năm 2017 đã có hơn 35 triệu khách du lịch đến Thái Lan. Từ năm 2012 trở đi, Trung Quốc đã đứng đầu về khách du lịch đến Thái Lan, Malaysia ở vị trí thứ hai. Nhật Bản, Hàn Quốc và Ấn Độ có hơn một triệu du khách tới Thái Lan mỗi năm. <http://www.thaiwebsites.com/tourists-nationalities-Thailand.asp>

Số liệu về du lịch các năm trước:

Năm 2016, Thái Lan đón lượng khách quốc tế đến thăm nhiều nhất trong lịch sử đạt 32.59 triệu lượt tăng 10% so với 2015. Ngành du lịch đã thu về cho Thái Lan 71.4 triệu đô la, tăng 11% so với 2015. <http://www.voanews.com/a/ap-record-32-million-foreign-tourists-visit-thailand-in-2016/3699721.html>

Năm 2015, Thái Lan đón 29.8 triệu lượt khách quốc tế, tăng 20% so với 2014. Thái Lan thu về 1.4 nghìn tỷ Bath từ du lịch. http://thailand.prd.go.th/ewt_news.php?nid=2698&filename=index

Năm 2014, Thái Lan đón 24.77 triệu lượt khách quốc tế trong đó có 6.6 triệu khách từ ASEAN chiếm khoảng 26.72% tổng số khách quốc tế tới Thái Lan. Thái Lan đã đưa mục tiêu năm 2015 đạt 28 triệu lượt khách và thu về 41 tỷ USD từ khách du lịch. http://thailand.prd.go.th/1700/ewt/thailand/ewt_news.php?nid=137&filename=exchangeBrunei

Thái Lan là điểm đến hấp dẫn nhất khu vực ASEAN. Ngành du lịch Thái Lan chiếm khoảng 6.5% GDP toàn quốc. Năm 2012, đã có 22 triệu khách quốc tế tới Thái Lan, tăng 15% so với năm 2011. Năm 2013, Thái Lan chào đón 26.7 triệu lượt khách quốc tế đến (http://thailand.prd.go.th/view_news.php?id=7089&a=2)

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng quan:

- Thái Lan hiện là một nước công nghiệp mới (trước vốn là nước nông nghiệp truyền thống). Bắt đầu từ năm 1960 Thái Lan thực hiện Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội lần thứ nhất và đến nay là Kế hoạch 9 (2002- 2006). Những năm 1970 Thái thực hiện chính sách "hướng xuất khẩu", ASEAN, Mỹ, Nhật, EC là thị trường xuất khẩu chính của Thái Lan. Ngành công nghiệp và dịch vụ đã dần dần đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế và vai trò của nông nghiệp giảm dần. Ngành du lịch cũng đóng vai trò tích cực.

- Từ 1985 – 1996 kinh tế Thái Lan đạt tốc độ tăng trưởng cao trung bình gần 9% một năm. Nhưng đến năm 1996 tăng trưởng kinh tế giảm xuống còn 5,9% và sau đó là cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ 7/1997 làm cho kinh tế Thái Lan rơi vào tình trạng khó khăn trầm trọng, Chính phủ buộc phải thả nổi đồng Bạt: Tỷ giá đồng bạt tháng 1/1998 là 56 Bạt = 1USD (trước là 25,3); mức tăng GDP năm 98 là -10,5%; nợ nước ngoài khoảng 87 tỷ USD; các ngành sản xuất mũi nhọn như công nghiệp ô tô, dệt, điện tử suy giảm nghiêm trọng; thất nghiệp gia tăng, tính đến tháng 3/1998 đã có tới 2,8 triệu người thất nghiệp, chiếm 8,8% lực lượng lao động.

- Kể từ năm 1998, kinh tế Thái Lan bắt đầu có dấu hiệu phục hồi. tăng trưởng đạt 4,2-4,4% vào năm 2000, phần lớn dựa vào xuất khẩu (tăng 20% năm 2000). Năm 2001, mức tăng trưởng bị giảm xuống còn 2,2% do ảnh hưởng của sự sụt giảm của kinh tế toàn cầu. Nhưng sau đó, kinh tế Thái Lan tăng trưởng mạnh dưới thời Thủ tướng Thaksin Shinawatra với một số dự án lớn. Từ 2002 - 2004, tăng trưởng đạt 5-7% một năm.

- Từ năm 2007, những bất ổn chính trị đã gây ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của Thái Lan tuy nhiên các yếu tố cơ bản của nền kinh tế vẫn vững. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Thái Lan năm 2007 đạt 4,8%. Do bất ổn chính trị trong nước và ảnh hưởng tiêu cực bởi khủng hoảng tài chính, tăng trưởng kinh tế của Thái Lan năm 2008 chỉ đạt 3,6%. Năm 2009, xuất khẩu giảm mạnh, thất nghiệp gia tăng, tăng trưởng kinh tế Thái Lan giảm 2.4%. Thời gian gần đây, kinh tế Thái Lan đã dần phục hồi. GDP năm 2010 lần lượt tăng 7.8%. Tuy nhiên, đà tăng trưởng kinh tế vẫn còn phải phụ thuộc vào một số yếu tố trong đó có sự ổn định chính trị trong nước. Trong bối cảnh suy thoái kinh tế thế giới, tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan giảm sút rõ rệt khi chỉ tăng 0.1%

năm 2011. Năm 2012, Thái Lan đã phục hồi nền kinh tế, với GDP Thái Lan đạt hơn 646 tỷ USD, tăng trưởng đạt mức 5.6%.

Chính phủ Thái trong năm 2013 đã ban hành chính sách quy định tiền lương tối thiểu là 10 USD/ngày, và cải cách thuế để giảm thuế cho những người thu nhập trung bình. Nền kinh tế Thái đã vượt qua những cú sốc kinh tế trong và ngoài nước trong những năm gần đây. Cuộc suy thoái toàn cầu đã cắt giảm nghiêm trọng xuất khẩu của Thái Lan. Cuối năm 2011, sự phục hồi kinh tế Thái Lan đã bị gián đoạn bởi lũ lụt lịch sử tại các khu công nghiệp ở Bangkok và 5 tỉnh xung quanh, làm tê liệt các ngành sản xuất. Chính phủ phủ đã phê duyệt các dự án để giảm thiểu lũ lụt trị giá 11.7 tỷ USD vào năm 2012 để phòng chống. Tăng trưởng của Thái Lan bị chậm lại vào 2013 và vẫn ở mức thấp kể từ khi đất nước đối mặt với bất ổn chính trị và đảo chính vào năm 2014. Chính phủ lâm thời đang đưa ra gói kích cầu ngắn hạn 11 tỷ USD và đã được phê chuẩn 80 tỷ USD để hỗ trợ phục hồi kinh tế.

Với cơ sở hạ tầng phát triển, nền kinh tế tự do, và các chính sách ủng hộ đầu tư giúp Thái Lan có nền kinh tế mạnh mẽ. Tuy nhiên tăng trưởng chậm trong giai đoạn từ 2013 – 2015 do khủng hoảng chính trị trong nước cũng như nhu cầu toàn cầu giảm đã kiềm chế các mặt hàng xuất khẩu thế mạnh truyền thống của Thái Lan: thiết bị điện tử, hàng hóa nông nghiệp, ô tô và phụ tùng, thực phẩm chế biến. Sau cuộc đảo chính tháng 5/2014, du lịch giảm 6 – 7% nhưng đang bắt đầu hồi phục. Đồng Bath Thái mất giá 8% trong năm 2015.

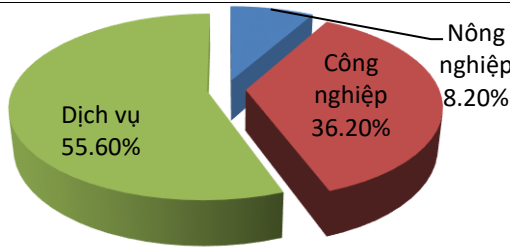
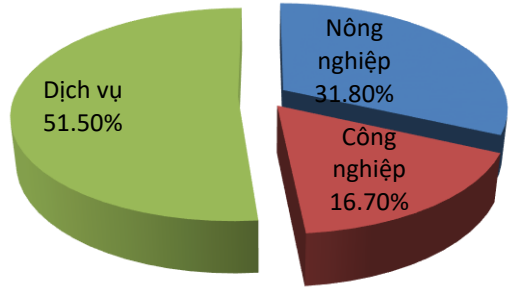
Thái Lan đang phải đối mặt với tình trạng thiếu lao động, và đã thu hút khoảng 2 – 4 triệu lao động nhập cư từ các nước láng giềng. Chính phủ Thái đã áp dụng chính sách lương tối thiểu 300 bath (khoảng 10 USD)/ngày và triển khai cải cách thuế để giảm thuế cho những người có mức thu nhập trung bình.

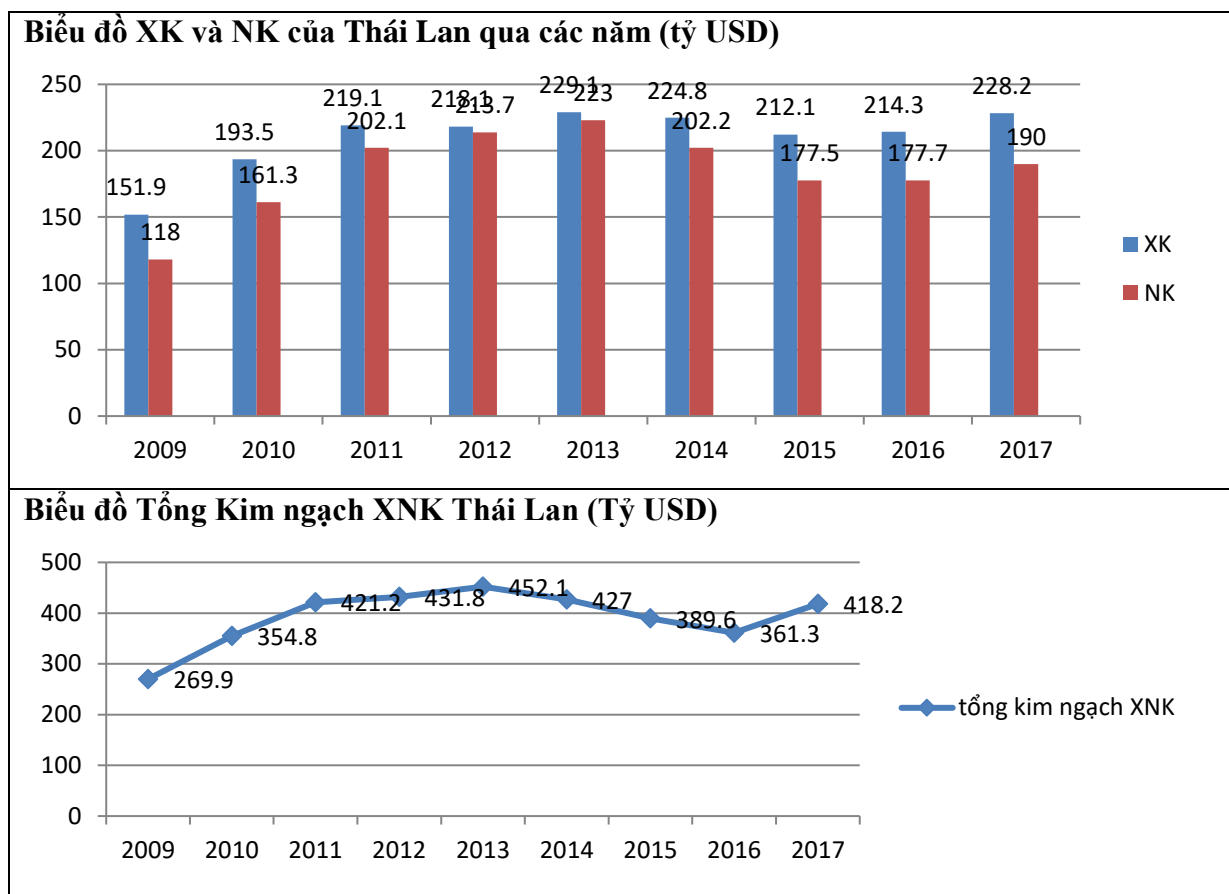
GDP Thái Lan dần tăng trưởng tốt lên, năm 2015 GDP tăng 2.8%, và con số này năm 2016 đạt 3.2%. Thái Lan đang triển khai Chiến lược Phát triển Quốc gia 20 năm (2016 – 2035) và từ tháng 10/2016 bắt đầu thực hiện Kế hoạch Phát triển kinh tế, xã hội 5 năm lần thứ 12 (2017 – 2021).

Về dài hạn, sự không ổn định về chính trị, và thể hệ dân số già đi có nguy cơ ảnh hưởng đến tăng trưởng của Thái land.

2. Các chỉ số kinh tế:

	2014	2015	2016	2017
GDP (ppp) (Tỷ USD) Tính theo tỉ giá USD năm 2017	1,094	1,148	1,185	1,229
GDP (OER) (Tỷ USD)	380.5	373.5		437.8
Tăng trưởng GDP	0.9%	2.8%	3.2%	3.7%
GDP theo đầu người (USD)	15,900	16,700	17,200	17,800

GDP theo ngành				
Lực lượng lao động (triệu người)	39.51	39.12	38.45	38.37
Phân bố lao động theo ngành				
Tỷ lệ thất nghiệp	0.8%	1%	0.9%	0.7%
Tỷ lệ lạm phát	2.1%	-0.8%	0.2%	0.6%
Mặt hàng nông nghiệp	gạo, cao su, sắn, ngô, mía, dừa, dầu cọ, đậu, dứa, gia súc, cá.			
Các ngành công nghiệp	du lịch, dệt may, chế biến nông sản, đồ uống, thuốc lá, xi măng, sản xuất công nghiệp nhẹ, linh kiện điện tử, điện máy, nội thất, nhựa, vonfram, thiếc, ô tô và phụ tùng.			
Tổng Kim ngạch XNK (Tỷ USD)	427	389.6	392	418.2 Tăng 6.68%
Kim ngạch xuất khẩu (Tỷ USD)	224.8	212.1	214.3	228.2 Tăng 6.49%
Mặt hàng chính	Ô tô và phụ tùng; máy tính & phụ tùng; trang sức, đá quý; nhiên liệu đã tinh chế; sản phẩm hóa chất, gạo; cá; cao su, đường; máy móc linh kiện; sản phẩm sắt thép.			
Bạn hàng XK chính	US 11.4%, China 11.1%, Japan 9.6%, Hong Kong 5.3%, Australia 4.8%, Malaysia 4.5%, Vietnam 4.4%			
Kim ngạch nhập khẩu (Tỷ USD)	202.2	177.5	177.7	190 Tăng 6.92%
Mặt hàng chính	Máy móc thiết bị; dầu thô; hóa chất, sắt thép, điện tử, vàng bạc, máy tính phụ tùng, cotton, sữa ...			
Bạn hàng NK chính	China 21.6%, Japan 15.8%, US 6.2%, Malaysia 5.6%			



III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM:

1. Hai bên đã ký kết được những văn bản sau:

- Hiệp định hợp tác thương mại, kinh tế và kỹ thuật 11/01/1978;
- Hiệp định vận chuyển hàng không 11/01/1978;
- Hiệp định về thành lập Ủy ban hỗn hợp hợp tác kinh tế, kỹ thuật 18/9/1991;
- Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư 30/10/1991;
- Hiệp định tránh đánh thuế hai lần 23/12/1992;
- Hiệp định hợp tác du lịch 16/3/1994;

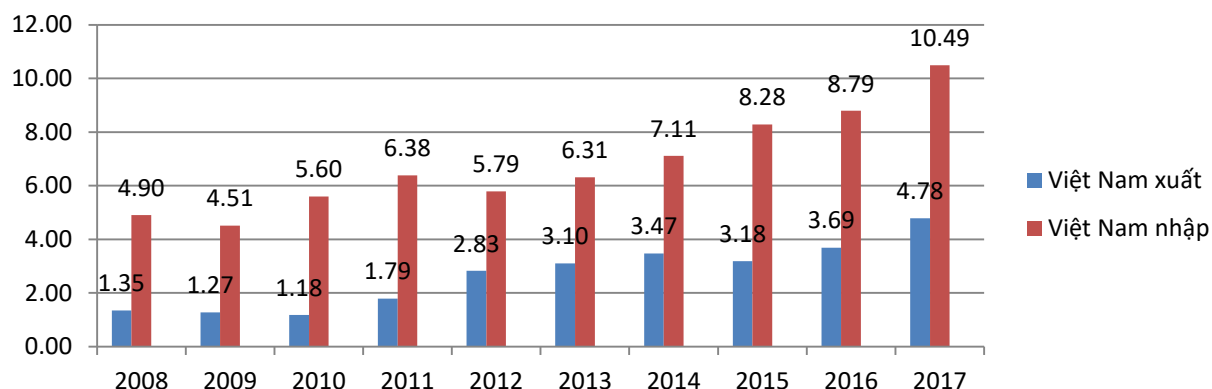
2. Hợp tác thương mại

Kim ngạch buôn bán hàng năm với Việt Nam trong những năm gần đây: (Đơn vị triệu USD)

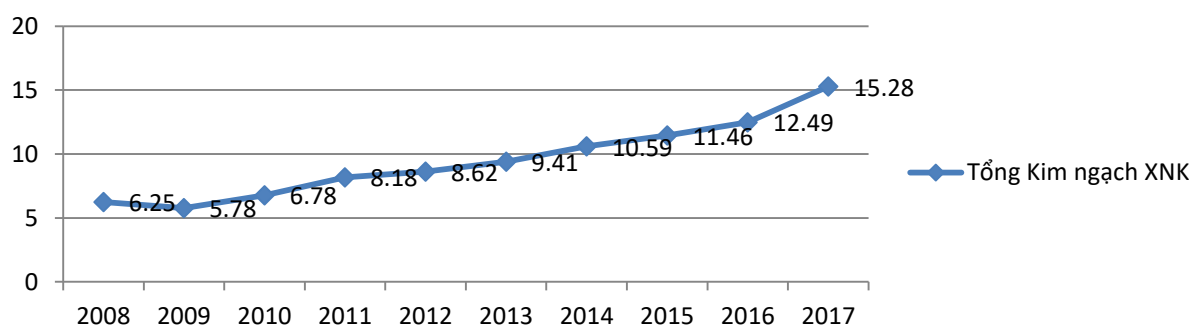
Năm	Việt Nam xuất	Việt Nam nhập	Tổng KN	Mức tăng %	XK chiếm %
2008	1,348	4,905	6,254		21.60%
2009	1,266	4,514	5,780	-8.20%	21.90%
2010	1,182	5,602	6,785	17.40%	17.40%

2011	1,792	6,383	8,175	20.50%	21.90%
2012	2,832	5,792	8,624	5.49%	32.84%
2013	3,103	6,311	9,414	9.2%	32%
2014	3,475	7,118	10,594	12.5%	32.8%
2015	3,176	8,283	11,461	8.18%	27.73%
2016	3,693	8,795	12,488	8.98%	29.57%
2017	4,786	10,495	15,281	22.37%	31.32%

Biểu đồ XK và NK giữa VN và Thái Lan trong giai đoạn gần đây (tính theo tỷ USD)



Biểu đồ tổng Kim ngạch XNK giữa VN và Thái Lan trong giai đoạn gần đây (tính theo tỷ USD)



- Các mặt hàng xuất nhập khẩu chính trong năm

VN Nhập khẩu từ Thailand	2017 (triệu USD)	Mức thay đổi % so với 2016
Xăng dầu các loại	940	47.34
Máy móc, thiết bị	904	11.47
Hàng điện gia dụng và linh kiện	882	-6.07
Hàng rau quả	857	109.02
Oto nguyên chiếc	702	9.69
Chất dẻo nguyên liệu	653	21.38
Máy vi tính, sản phẩm điện tử, linh kiện	632	58.79
Linh kiện, phụ tùng ô tô	515	-22.90
Hoá chất	375	47.06

Vải các loại	250	21.36
Giấy các loại	177	2.31
Xơ, sợi dệt các loại	112	9.80

VN Xuất khẩu sang Thailand	2017 (triệu USD)	Mức thay đổi % so với 2016
Điện thoại, linh kiện	1,230	72.03
Máy vi tính, Sản phẩm điện tử & linh kiện	478	15.46
Dầu thô	445	183.44
Phương tiện vận tải và phụ tùng	332	3.75
Máy móc thiết bị	330	10.37
Hàng thủy sản	246	1.65
Sản phẩm từ sắt thép	168	28.24
Sắt thép các loại	161	45.05
Hàng dệt may	105	
Xơ, sợi dệt các loại	90	30.43
Xăng dầu các loại	20	-84.73

Trong lĩnh vực thương mại, Thái Lan là một đối tác quan trọng của Việt Nam cũng như Việt Nam là một trong các đối tác thương mại chủ yếu của Thái Lan ở châu Á. Kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Thái Lan trong nhiều năm qua không ngừng gia tăng, từ gần 5,8 tỷ USD (năm 2009) tăng lên 9,41 tỷ USD (năm 2013). Đến năm 2015, kim ngạch xuất - nhập khẩu hai chiều đạt 11,5 tỷ USD (tăng 8,6% so với năm 2014). Sang năm 2016, kim ngạch hai chiều Việt Nam – Thái Lan đạt gần 12.5 tỷ USD tăng 8.98% so với 2015, xuất khẩu của Việt Nam sang Thái Lan vẫn còn thấp, chỉ đạt gần 30% tổng kim ngạch.

Hai bên hiện đang đặt mục tiêu nâng kim ngạch thương mại hai chiều lên mức 20 tỷ USD vào năm 2020.

Trong quan hệ thương mại hai chiều, Việt Nam là nước nhập siêu. Nguyên nhân của tình trạng này là do cơ cấu mặt hàng của hai nước tương đối giống nhau, trong khi đó một số mặt hàng của Thái Lan có tính cạnh tranh cao hơn, thậm chí ngay tại thị trường nội địa Việt Nam; nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu đầu vào từ Thái Lan của các nhà đầu tư nước ngoài, bao gồm cả các nhà đầu tư Thái Lan tăng cao; Thái Lan thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại rất mạnh và hiệu quả, có chiến lược kinh doanh rõ ràng.

Trong năm 2017, dù tăng cường xuất khẩu vào Thái Lan với tốc độ tăng trưởng đến hơn 22% nhưng tổng giá trị mới đạt đến 4,8 tỉ USD; trong khi ở chiều ngược lại VN nhập khẩu đến 10,5 tỉ USD.

3. Tình hình đầu tư:

Tính đến hết năm 2017, Thái Lan có 486 dự án với tổng số vốn đăng ký là 8.6 tỉ USD, đứng thứ 10 trong số hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư vào Việt Nam và đứng thứ 3 trong các nước ASEAN (sau Singapore và Malaysia).

Trong năm 2017, Thái Lan có tổng số vốn đầu tư vào VN là gần 713 triệu USD trong đó: 47 dự án cấp mới với tổng số vốn đăng ký 299 triệu USD; 18 dự án tăng vốn 87 triệu USD; 98 lượt góp vốn, mua cổ phần với vốn góp 325 triệu USD.

- Các dự án đầu tư của Thái Lan đã có mặt tại 41/63 tỉnh, thành của Việt Nam. Những doanh nghiệp quan trọng đang làm ăn tại Việt Nam: Công ty trách nhiệm hữu hạn CP tại Việt Nam với tổng vốn 328 triệu USD; Công ty SAS CTAMAD với tổng vốn 72.6 triệu USD; Công ty liên doanh phát triển khu Long Bình hiện đại tại Đồng Nai với tổng vốn 46 triệu; Công ty nhựa hoá chất TCP VINA tại khu công nghiệp gò dầu Đồng Nai với tổng vốn 90 triệu USD, và Công ty TNHH Giấy Kraft Vina: 193 triệu USD, Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Hóa dầu Long Sơn với tổng số vốn đăng ký đạt 3.77 tỷ USD,....

Việt Nam có 10 dự án đầu tư sang Thái Lan với tổng số vốn đầu tư cấp mới và tăng vốn là 25,79 triệu USD, đứng thứ 22 trên tổng số 55 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Thái Lan; trong đó phải kể tới Dự án Hoàng Anh Gia Lai Co.Ltd với tổng số vốn đầu tư đạt 10 triệu USD, Dự án NAGATA Automotive Pacific Co.Ltd có tổng số vốn đầu tư 780 nghìn USD, Dự án Buffalo Tours Ltd có số vốn đầu tư đạt 300 nghìn USD. Tuy nhiên, có thể dễ dàng nhận thấy số lượng dự án cũng như số vốn đầu tư của Thái Lan sang Việt Nam cao hơn nhiều so với chiều ngược lại.

4. Về hợp tác trong các khuôn khổ đa phương: Hai bên phối hợp thúc đẩy hợp tác trong các khuôn khổ đa phương, như triển khai tuyến hành lang Đông - Tây, hợp tác 9 tỉnh 3 nước Việt Nam – Lào – Thái Lan, hợp tác tại các diễn đàn khu vực và quốc tế như ACMECS, GMS, ASEAN, LHQ, APEC, ASEM, WTO... Gần đây, tháng 10/2016, Phó Thủ tướng Thái Lan Somkid Jatusripitak đã dự Diễn đàn WEF Mekong và Hội nghị Cấp cao ACMECS-7 tại Hà Nội.

5. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới:

Trên cơ sở quan hệ hai nước tiếp tục được tăng cường và phát triển thuận lợi, quan hệ kinh tế thương mại sẽ được tiếp tục mở rộng. Về thương mại, khả năng hai nước còn có thể tăng thêm được kim ngạch mỗi năm từ 5-10%. Tuy nhiên, Việt Nam cần khắc phục tình trạng bị nhập siêu từ Thái Lan. Về đầu tư, các doanh nghiệp Thái Lan tỏ ý quan tâm muốn trở lại làm ăn tại Việt Nam. Thái Lan còn nhiều khả năng để đầu tư vào Việt Nam do nguồn vốn dồi dào, địa lý thuận lợi, lao động của Việt Nam còn rẻ. Hơn nữa Thái Lan quan tâm thúc đẩy hợp tác kinh tế thương mại với các tỉnh miền Trung của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác tiểu vùng sông Mekong nhằm phát triển các tỉnh vùng Đông bắc Thái Lan giáp với Lào và Việt Nam. Ngoài ra hai nước sẽ tiếp tục hợp tác tốt trong các lĩnh vực xuất khẩu gạo, cao su, hải sản...

Hiện có khoảng 100.000 Việt kiều tại Thái Lan, sống tập trung tại trên 20 địa phương, nhất là các tỉnh vùng Đông Bắc như Udon Thani, Nakhon Phanom, Sakon Nakhon và Nong Khai. Bà

con Việt kiều có quốc tịch Thái, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, đồng thời luôn gắn bó với quê hương, đất nước và đóng vai trò cầu nối cho quan hệ kinh tế, văn hóa và xã hội giữa hai dân tộc. Nhiều bà con đã được Nhà nước Việt Nam tặng thưởng những huân, huy chương cao quý. Việt kiều hiện nay tiếp tục tham gia quản lý và phát triển các khu di tích Bác Hồ tại Nakhon Phanom, Udon Thani và Phichit.

6. Tập quán Kinh doanh của người Thái:

- Nếu bạn muốn thành công trong công việc kinh doanh tại Thái Lan thì việc tạo dựng mối quan hệ là một yếu tố rất quan trọng và cần thiết. Những mối quen biết trong công việc kinh doanh rất được xem trọng tại Thái Lan, cũng như việc bạn phải luôn duy trì chất lượng và hình ảnh của công ty mình. Mối quan hệ xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố niềm tin của khách hàng.

- Người Thái thích hợp tác làm việc với những người họ kính trọng.
- Sự tiến triển trong mối quan hệ của người Thái diễn ra chậm và với lần gặp đầu tiên sẽ không có nhiều tiến triển như bạn mong đợi, phải mất vài buổi gặp gỡ bạn mới có thể tạo dựng được mối quan hệ thực sự với họ.

- Khi giao tiếp với mọi người hãy luôn giữ thái độ kính trọng và lịch sự, điều này sẽ tạo nên những mối quan hệ hoà hợp, và đây cũng chính là yếu tố rất quan trọng khi kinh doanh tại Thái Lan.

- Cách giao tiếp của người Thái thường theo nghi thức và họ coi các cử chỉ khi giao tiếp quan trọng hơn cả lời nói.

- Những người có vị trí cao trong xã hội cũng như những người lớn tuổi nhất trong công ty luôn được kính trọng.

- Nên đặt lịch hẹn với đối tác trước một tháng.

- Khi đến gặp mặt đối tác kinh doanh bạn nên đến đúng giờ, điều này thể hiện sự tôn trọng của bạn với họ.

- Trước một cuộc họp hoặc một cuộc gặp gỡ với đối tác, bạn nên gửi trước những tài liệu, thông tin về công ty bạn đến cho đối tác, điều này giúp chỉ rõ vị trí của bạn và cũng giúp cho đối tác có đủ thời gian nghiên cứu và suy nghĩ trước về những tài liệu bạn cung cấp. Tất cả các tài liệu nên được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Thái.

- Hãy nên đứng cho đến khi được mời ngồi.

- Luôn giữ được sự bình tĩnh.

- Thông thường, để tránh mất lòng bạn, người Thái Lan thường sẽ không thừa nhận rằng họ không hiểu những điều bạn nói. Điều này thường không tốt và gây bực mình trong công việc. Nó cũng đồng nghĩa với việc người Thái Lan sẽ rất ít khi nói “Không”, và dẫn đến việc một đối tác nước ngoài sẽ có thể rời bàn họp và nghĩ rằng họ đã đạt được bản hợp đồng cho đến khi nhận ra rằng không hề có một bước tiến xa hơn nào trong công việc sau đó. Vì vậy, một lời khuyên khi tiến hành đàm phán tại Thái Lan là bạn nên có thêm một thông dịch viên đi cùng để chắc chắn rằng cả 2 bên đều hiểu nhau và đi đến một hợp đồng có lợi.

- Chức vụ và thâm niên trong công việc cũng là điều rất quan trọng, hầu hết những lãnh đạo cấp cao và những người làm kinh doanh sẽ đều mong muốn gặp những đối tác có chức vụ ngang tầm họ, thay vì gặp một nhân viên cấp dưới.

- Người Thái Lan rất giỏi trong việc thương lượng và đàm phán. Điều này thể hiện trong sự linh hoạt và thiện chí khi tiếp đãi đối tác kinh doanh của họ. Ngoài ra, sự nhạy bén trong kinh doanh của người Thái Lan còn được thể hiện qua khả năng thương lượng và đạt đến một hợp đồng được họ xem là có lợi cho cả 2 bên, đôi khi hợp đồng này cũng có thể thay đổi trong quá trình đàm phán và đi đến ký kết cuối cùng.

- Khun trong tiếng Thái có nghĩa là Ông, Bà, Cô (Mr, Mrs, Ms hoặc Miss), người Thái Lan thường sử dụng tên đi kèm với Khun khi xưng hô, không dùng họ của gia đình, ví dụ Khun Somporn.

- Cách thức chào trang trọng của người Thái Lan được gọi là “wai”, thông thường người có chức vị thấp hơn sẽ thực hiện nghi thức chào truyền thống này tới người có địa vị cao hơn. Theo cách thức này người chào sẽ úp hai lòng bàn tay vào nhau, đưa lên ngang tầm với mắt và từ từ đưa lên theo chiều hướng lên phía trên. Đây là một cách chào rất trang trọng được thực hiện trong những nghi lễ, người Thái Lan không yêu cầu đối tác nước ngoài phải chào lại họ theo đúng nghi thức này, nếu bạn là một đối tác bạn chỉ cần mỉm cười đáp lại hoặc gật đầu chào lại họ, nhưng nếu bạn có thể chào lại họ theo đúng cách truyền thống của người Thái, chắc chắn họ sẽ đánh giá rất cao thiện chí của bạn.

- Thông thường, khi được mời tới dự một bữa tiệc tại nhà, bạn nên đợi chủ nhà giới thiệu bạn với những người khách khác trong bữa tiệc, nó sẽ giúp cho những vị khách có mặt biết được mối quan hệ giữa bạn và gia chủ.

IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM

1. Quan hệ Ngoại giao:

- Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức: 06/8/1976

Thiết lập quan hệ ngoại giao từ năm 1976, song quan hệ Việt Nam - Thái Lan chỉ bắt đầu khởi sắc từ sau chuyến thăm chính thức Thái Lan của Thủ tướng Việt Nam Phạm Văn Đồng (tháng 9-1978). Từ năm 1993 đến nay, quan hệ giữa hai nước dần được cải thiện và phát triển mạnh, đánh dấu bằng chuyến thăm chính thức Thái Lan của Tổng Bí thư Đỗ Mười (tháng 10-1993). Năm 1995, sau khi Việt Nam gia nhập ASEAN, quan hệ Việt Nam - Thái Lan đã vượt qua nhiều thách thức, không ngừng được củng cố và ngày càng phát triển, nhất là kể từ khi hai nước ra Tuyên bố chung về Khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Thái Lan trong thập niên đầu của thế kỷ XXI (tháng 2-2004).

Đặc biệt, nhân chuyến thăm Thái Lan của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (tháng 6-2013), Việt Nam và Thái Lan đã chính thức nâng cấp quan hệ lên “Đối tác chiến lược” và trở thành hai nước trong khối ASEAN đầu tiên thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với nhau. Tiếp đó, hai bên đã ký Chương trình hành động triển khai quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam - Thái Lan giai đoạn

2014 - 2018, nhân chuyến thăm chính thức Việt Nam của Thủ tướng Thái Lan Pray-út Chan-o-cha (tháng 11-2014).

Hai nước tăng cường hợp tác chặt chẽ và luôn hỗ trợ nhau trong các khuôn khổ hợp tác tiểu khu vực, khu vực, như Hợp tác tiểu vùng sông Mê Công mở rộng (GMS), Hành lang kinh tế Đông - Tây (EWEC),... và trong quan hệ đa phương tại các diễn đàn quốc tế, như Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS), Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Liên hợp quốc,... Đặc biệt, trong bối cảnh Cộng đồng ASEAN chính thức được thành lập từ ngày 31-12-2015, lãnh đạo hai nước đã nhất trí thúc đẩy sự phối hợp để phát huy hiệu quả vai trò của Cộng đồng, đồng thời củng cố sự đoàn kết và phát huy vai trò trung tâm của ASEAN trong việc xử lý các vấn đề khu vực cũng như quốc tế.

2. Quan hệ Chính trị:

- Các chuyến thăm giữa Thái Lan và Việt Nam

- Tổng Bí thư Đỗ Mười (10/1993);
- Chủ tịch nước Trần Đức Lương (10/1998);
- Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình (3/2000),
- Thủ tướng Võ Văn Kiệt (9/1991 và 7/1992),
- Thủ tướng Phan Văn Khải (5/2000),
- Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh (9/1996),
- Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An (9/2003),
- Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (12/2006 và 7/2015).
- Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc (10/2016)
- Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng (12/2013)

Về phía Thái Lan có đoàn: Các Thủ tướng Anand thăm (1/1992), Chuan Leekpai (3/1994), Banharn (10/1995), Chavalit (3/1997);

- Chủ tịch Quốc hội Thái Lan (2/1996);
- Thủ tướng Chuan Leekpai dự Hội nghị cấp cao ASEAN 6 tại Hà Nội (12/1998);
- Phó Thủ tướng Bhichai Rattakul (11/1999),
- Thủ tướng Thaksin Shinawatra (24-25/4/2001).
- Ngoại trưởng Thái Surin thăm chính thức (2/1998) và sang dự kỳ họp thứ 6 UBHH hai nước (21-13/6/1999);
- Ngoại trưởng Thái Surakiart Sathirathai thăm chính thức (07/3/2001).

- Thủ tướng Surayud Chulanont đã thăm chính thức Việt Nam sau khi nhậm chức (26/10/2006), dự Hội nghị cấp cao APEC 14 (18-19/11/2006).
- Thủ tướng Samak thăm chính thức Việt Nam (24/3/2008),
- Ngoại trưởng Thái Lan Kasit Piromya thăm chính thức Việt Nam (25/02/2009).
- Thủ tướng Abhisit Vejjajiva thăm chính thức Việt Nam (10/7/2009).
- Thủ tướng Yingluck Shinawatra (10/2012)
- Thủ tướng Prayut Chan-o-cha (11/2014).
- Đặc biệt có các chuyến thăm của Hoàng gia Thái như: Thái tử Maha Vajiralongkorn (11/1992, 9/1997, 12/2007, 01/2008 và tháng 5/2008) và Công chúa Sirindhorn (5 lần từ 1993 - 2015); Công chúa Chulabhond (11/1998, 5/1999, 6/2000, 11/2001, 2/2003, tháng 12/2003 và tháng 7/2008), Chủ tịch Hội đồng Cơ mật Hoàng gia (4/2002).

V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI

1. Thoả thuận hợp tác đã ký kết

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã ký thỏa thuận hợp tác với Phòng Thương mại và Công nghiệp Thái Lan và tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tìm hiểu thị trường, tìm kiếm đối tác

VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH

❖ Đại sứ quán Việt Nam tại Thái Lan:

83/1 Wireless Road, Lumpini, Pathumwan, Bangkok 10330

Tel: +(66)(2)2515836-38; +(66)(2)2512552; +(66)(2)2517202

FAX: +(66)(2)2517201

Email: vnemb.th@mofa.gov.vn

Website: <https://vnembassy-bangkok.mofa.gov.vn/vi-vn/Trang/default.aspx>

Đại sứ: Ông NGUYỄN HẢI BĂNG (ext: 214)

Ext: 214; +66 (0) 924840535 (HP)

Email: bangcopen@yahoo.com

Thương vụ: Bà TRẦN THỊ THANH MỸ

THAM TẤN, THƯƠNG VỤ (từ 27/5/2017)

ĐT: +66 (0) 2 650 8454; FAX: +66 (0) 2 252 6950

❖ Đại sứ quán Thái Lan tại Việt Nam:

26 Phan Boi Chau Str., Hoan Kiem, Hanoi.

Tel: (84) 24 3823 5092-4

Fax: (84) 24 38235088

Email: thaihan1@fpt.vn

Đại sứ: H.E. Mr. Manopchai Vongphakdi

<http://www.thaiembassy.org/hanoi/th/organize/25985-%E0%B8%97%E0%B8%B5%E0%B9%88%E0%B8%95%E0%B8%B1%E0%B9%89%E0%B8%87Location.html>

❖ **Thai Chamber of Commerce and Industry**

150 RAJBOPIT ROAD, PRANAKHON DISTRICT, BANGKOK 10200, THAILAND.
TEL: +66(0) 2622-1860-76 FAX: +66(0) 2225-3372 P.O.BOX 2-146

❖ **Các nguồn thông tin tham khảo**

*Website *CIA – The World Factbook*

*Website *Bộ Ngoại giao Việt Nam*

*Website *Tổng cục Thống kê Việt Nam*

PHỤ LỤC THAM KHẢO
 Bảng 1. Việt Nam Nhập khẩu từ Thái Lan

BỘ TÀI CHÍNH
 TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5N/TCHQ
 Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

NHẬP KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU
 Tháng 12 năm 2017

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
THÁI LAN			1.061.691.797		10.495.152.893
Hàng thủy sản	USD		1.150.265		19.361.277
Sữa và sản phẩm sữa	USD		2.264.941		56.723.783
Hàng rau quả	USD		63.199.585		857.071.412
Ngô	Tấn	536	1.515.520	154.045	54.089.549
Dầu mỡ động thực vật	USD		2.365.343		15.793.021
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		4.846.556		43.895.571
Chế phẩm thực phẩm khác	USD		3.288.539		45.697.664
Thực ăn gia súc và nguyên liệu	USD		6.024.698		76.113.860
Nguyên phụ liệu thuốc lá	USD				886.992
Quặng và khoáng sản khác	Tấn	117.919	5.041.046	1.404.927	49.883.398
Xăng dầu các loại	Tấn	179.662	106.562.429	1.775.114	940.766.821
Khí đốt hóa lỏng	Tấn	11.332	7.381.101	77.553	45.206.697
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	USD		4.535.489		45.076.977
Hóa chất	USD		34.061.001		375.159.972
Sản phẩm hóa chất	USD		19.291.805		251.676.197
Nguyên phụ liệu dược phẩm	USD		54.845		1.036.033
Dược phẩm	USD		12.517.896		94.566.402
Phân bón các loại	Tấn	8.375	1.192.983	26.814	7.452.946
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	USD		8.542.888		82.744.208
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	USD		2.702.224		56.611.848
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	49.308	68.124.377	489.652	653.884.157
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		21.949.860		239.126.660
Cao su	Tấn	4.851	7.580.279	60.365	104.530.267
Sản phẩm từ cao su	USD		7.083.118		78.138.739
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		9.103.639		102.568.521
Giấy các loại	Tấn	20.691	16.758.333	227.750	177.742.571
Sản phẩm từ giấy	USD		7.504.214		91.183.655
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	7.018	10.746.688	77.839	112.889.078
Vải các loại	USD		25.692.663		250.607.900
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		18.808.192		228.954.407
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	USD		5.191.481		57.324.430
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	USD		1.420.466		11.792.665
Sắt thép các loại	Tấn	3.336	4.733.420	87.427	78.820.522
Sản phẩm từ sắt thép	USD		13.756.775		161.500.577
Kim loại thường khác	Tấn	4.706	26.590.292	50.073	253.329.480
Sản phẩm từ kim loại thường khác	USD		5.215.017		63.869.350
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		63.372.789		632.481.160
Hàng điện gia dụng và linh kiện	USD		58.489.519		882.310.238
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	USD		1.772.552		13.700.094
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	USD		80.503.908		904.276.762
Dây điện và dây cáp điện	USD		10.415.887		87.547.805
Ô tô nguyên chiếc các loại	Chiếc	8.070	147.644.917	38.244	702.870.827
Linh kiện, phụ tùng ô tô	USD		47.706.124		515.030.443

Bảng 2. Việt Nam xuất khẩu đi Thái Lan

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5X/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

XUẤT KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU
Tháng 12 năm 2017

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
THÁI LAN			443.717.822		4.786.069.745
Hàng thủy sản	USD		19.504.473		246.459.875
Hàng rau quả	USD		3.590.177		36.073.342
Hạt điều	Tấn	493	5.064.829	8.406	84.917.370
Cà phê	Tấn	193	907.306	30.766	72.717.183
Hạt tiêu	Tấn	242	1.342.234	4.180	26.981.554
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		1.486.448		19.984.457
Thực ăn gia súc và nguyên liệu	USD		2.918.363		33.635.743
Quặng và khoáng sản khác	Tấn			160	137.580
Than đá	Tấn			149.981	14.855.543
Dầu thô	Tấn	138.085	70.509.361	1.027.350	445.192.347
Xăng dầu các loại	Tấn	105	46.447	53.342	19.930.628
Hóa chất	USD		481.563		14.472.020
Sản phẩm hóa chất	USD		5.768.906		61.029.075
Phân bón các loại	Tấn	352	55.660	18.830	5.247.875
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	1.637	2.771.649	23.132	37.326.874
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		4.704.556		53.477.667
Sản phẩm từ cao su	USD		1.099.655		16.660.426
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	USD		1.191.688		13.949.743
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		3.116.303		25.385.982
Giấy và các sản phẩm từ giấy	USD		1.576.234		22.158.403
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	2.995	7.195.927	40.028	90.762.122
Hàng dệt, may	USD		11.493.921		105.426.744
Vải mảnh, vải kỹ thuật khác	USD		2.873.851		30.618.341
Giày dép các loại	USD		5.301.469		46.928.698
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		2.637.724		41.050.653
Sản phẩm gốm, sứ	USD		1.763.723		33.429.408
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	USD		393.094		4.458.154
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	USD		297.806		2.269.664
Sắt thép các loại	Tấn	23.592	16.939.652	231.214	161.927.591
Sản phẩm từ sắt thép	USD		18.834.558		168.626.506
Kim loại thường khác và sản phẩm	USD		4.136.530		62.331.176
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		36.282.121		478.717.627
Điện thoại các loại và linh kiện	USD		119.436.489		1.230.933.927
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD		27.299.544		330.963.419
Dây điện và dây cáp điện	USD		3.521.766		42.355.068
Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD		30.593.406		332.996.458